

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Nội khoa dã chiến.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN VĂN BẰNG

2. Ngày tháng năm sinh: 03/8/1976; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 1202- CT2B- Khu đô thị Xa La- Phường Phúc La- Quận Hà Đông- Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Bộ môn- Trung tâm Nội dã chiến- Bệnh viện Quân y 103- Số 261- Đường Phùng Hưng- Hà Đông- Hà Nội.

Điện thoại di động: 0989.191794; E-mail: bangnvbs@gmail.com, bsbanga7bv103@gmail.com.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1994 đến năm 2001: Học viên Hệ Đại học- Học viện Quân y.

Từ năm 2001 đến năm 2006: Trợ lý Quân y - Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí - Tổng cục Kỹ thuật.

Từ năm 2006 đến năm 2009: Bác sỹ, Giảng viên Bộ môn Khoa Máu - Độc xạ và Bệnh nghề nghiệp- Bệnh viện Quân y 103- Học viện Quân y.

Từ năm 2009 đến năm 2013: Học Nghiên cứu sinh tại Học viện Quân y, Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ngày 04 tháng 01 năm 2014, Giảng viên Bộ môn Khoa Máu - Độc xạ và Bệnh nghề nghiệp từ tháng 01 năm 2009.

Từ năm 2014 đến 1/2018: Bác sĩ, Giảng viên Bộ môn Khoa Máu - Độc xạ và Bệnh nghề nghiệp - Bệnh viện Quân y 103 - Học viện Quân y.

Từ tháng 1/2018 đến nay: Giảng viên, Phó Chủ nhiệm Khoa Máu - Độc xạ và Bệnh nghề nghiệp - Bệnh viện Quân y 103 - Học viện Quân y.

Chức vụ hiện nay: Phó chủ nhiệm khoa, Giảng viên Bộ môn Trung tâm Nội dã chiến.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Chủ nhiệm khoa.

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Quân y 103- Học viện Quân y.

Địa chỉ cơ quan: Số 261 - Phùng Hưng - Hà Đông - Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 069.566526.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Chưa.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 10 tháng 10 năm 2001; số văn bằng: B0344170; ngành: Y; chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa.

Nơi cấp bằng Đại học: Học viện Quân y, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 16 tháng 7 năm 2015; số văn bằng: 004234; ngành: Y học, chuyên ngành: Sức khỏe nghề nghiệp.

Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Học viện Quân y, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Quân y.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Nghiên cứu sức khỏe nghề nghiệp và môi trường lao động (ở công nhân tiếp xúc với chì, công nhân thu gom rác thải, bộ đội, nhân viên y tế và một số đối tượng khác).

Nghiên cứu về các bệnh lý huyết học và bệnh ung thư: thiếu máu, virus JC ở bệnh nhân bệnh máu ác tính, bệnh đa u tủy xương, u lympho ác tính, bệnh Castleman, ung thư đại trực tràng, xạ trị trên bệnh nhân ung thư, thái độ bệnh nhân và người nhà bị ung thư.

Nghiên cứu về độc chất trên động vật thực nghiệm, tác dụng bảo vệ của sâm Ngọc Linh sinh khối trên động vật thực nghiệm bị gây ngộ độc bán trường diễn với chì acetat.

Nghiên cứu một số bệnh lý khác như nhiễm nấm trên bệnh nhân bỏng, bệnh đái tháo đường, sốt xuất huyết dengue, bệnh tay chân miệng, tính đa hình di truyền của DNA HV1 và HV2 ty thể của người Việt Nam.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: tham gia 01 đề tài cấp nhà nước, tham gia 01 dự án cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường, tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh Bắc Kạn, chủ nhiệm 04 đề tài cấp Học viện Quân y.
- Đã công bố (số lượng) 58 bài báo KH, trong đó 08 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: (3 năm: 2005, 2008, 2014).
- Giảng viên giảng giỏi cấp học viện năm 2018.
- Hướng dẫn nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học Học viện Quân y năm 2014, 2019; tham gia Hội thao Kỹ thuật Sáng tạo tuổi trẻ ngành Y tế Khu vực Hà Nội lần thứ XXIII - năm 2009.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ngày 30/12/1999 vì đạt giải Khuyến khích - Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về tư tưởng, đạo đức, tác phong: luôn tu dưỡng phẩm chất đạo đức, giữ gìn lối sống trong sạch, khiêm tốn, trung thực, giản dị. Có lập trường tư tưởng vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Xây dựng và giữ gìn môi đoàn kết thống nhất nội bộ trong đơn vị.

Tích cực với nhiệm vụ giảng dạy, đảm bảo chất lượng dạy học, chấp hành nghiêm túc các quy chế của quá trình đào tạo như quy chế giảng dạy, quy chế đánh giá chất lượng học viên. Trên cương vị phó chủ nhiệm khoa, giảng viên luôn tích cực tham gia xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo bác sỹ đa khoa, đổi mới phương pháp dạy học mới theo phương châm đào tạo tích cực của Học viện Quân y.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Chủ nhiệm 04 đề tài cơ sở đã nghiệm thu, tham gia: 01 đề tài cấp tỉnh Bắc Kạn, 01 đề tài cấp nhà nước, 01 đề tài/dự án cấp Bộ Tài nguyên Môi trường. Tích cực hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.

Tích cực triển khai các kỹ thuật mới cũng như áp dụng tiến bộ khoa học trong chẩn đoán, điều trị tại Bộ môn - Trung tâm Nội dã chiến, Bệnh viện Quân y 103 để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo lâm sàng. Thường xuyên tự học nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, cập nhật kiến thức bài giảng để đảm bảo chất lượng đào tạo học viên đại học và sau đại học.

Tóm lại, tôi tự đánh giá mình trong những năm qua đã hoàn thành tốt nhiệm vụ về đào tạo, điều trị và nghiên cứu khoa học, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của giảng viên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 12 năm (từ tháng 1 năm 2009).

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016			01		401	126	527/577/270
2	2016-2017			02		323	114	437/537/270
3	2017-2018					460	195	655/655/270
3 năm học cuối								
4	2018-2019			01		517	130	647/697/270
5	2019-2020					278	195	473/473/270
6	2020-2021					422	148	570/570/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

☐ ☐ ☐
- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2 khung châu Âu do trường Đại học Hà Nội cấp.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Huệ		X	X			Học viện Quân y	13/10/2016 Số A151328
2	Trần Ngọc Tiến		X	X			Học viện Quân y	12/12/2020 Số 2459/2019-A16
3	Hoàng Thị Ngân		X	X			Đại học Y tế Công cộng	09/3/2018 Số A186530
4	Nguyễn Thị Thảo		X	X			Đại học Y tế Công cộng	09/3/2018 Số A186541
5	Hồ Tú Thiên		X	X		3/2021 đến nay	Học viện Quân y	Chưa bảo vệ

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận Tiến sỹ							
1	Nội khoa dã chiến	GT	NXB QĐND 2014	8	Tham gia	30-49 91-98 157-165	3304/QĐ- HVQY
II Sau khi được công nhận Tiến sỹ							
2	Bệnh nhiễm độc chì vô cơ	TK	NXB QĐND 2017	1	Chủ biên	1-150	3304/QĐ- HVQY
3	Nồng độ β 2- Microglobulin, một số chỉ số hóa sinh máu trong bệnh Đa u tủy xương và ý nghĩa lâm sàng	TK	NXB QĐND 2018	1	Chủ biên	1-123	3304/QĐ- HVQY
5	Học qua Ca bệnh lâm sàng	TK	NXB QĐND 2019	44	Tham gia	207-302	3304/QĐ- HVQY
4	Giáo trình Huyết học lâm sàng	GT	NXB QĐND 2019	5	Tham gia		3304/QĐ- HVQY

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận Tiến sỹ				
1	Nghiên cứu thực trạng ô nhiễm môi trường lao động và sức khỏe bệnh tật của công nhân tại một số nhà máy xí nghiệp quốc phòng- Đề xuất giải pháp khắc phục	Tham gia	ĐTĐL. 2008G/22	01/2008- 12/2010	Ngày 06/4/2011 Khá
2	Thu dung, chẩn đoán và điều trị nạn nhân chất độc hóa học/dioxin	Tham gia	Chương trình KHCN trọng điểm cấp nhà nước: Chương trình 33	01/2009- 12/2010	Ngày 14/4/2011 Đạt mức B (34,4 điểm)
3	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, độc tính các loại nấm độc thường gặp tại tỉnh Bắc Kạn và đề xuất một số biện pháp dự phòng, cấp cứu và điều trị ngộ độc nấm	Tham gia	13- QĐ/ Bắc Kạn		Ngày 01/3/2013 Xuất sắc
4	Nghiên cứu sự thay đổi một số chỉ tiêu chống oxy hóa và hóa sinh máu ở người tiếp xúc nghề nghiệp với chì	CN	Học viện Quân y	01/2014- 12/2014	Ngày 09/5/2014 Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận Tiến sỹ				
5	Nghiên cứu tác dụng chống oxy hóa của				

	sâm Ngọc Linh sinh khối trên chuột nhắt trắng được gây nhiễm độc bán trường diễn với chì acetat	CN	Học viện Quân y	01/2015-12/2015	Ngày 13/10/2015 Xuất sắc
6	Nghiên cứu kết quả của phác đồ Folfiri trong điều trị ung thư đại trực tràng sau phẫu thuật tại Bệnh viện Quân y 103	CN	Học viện Quân y	01/2016-12/2016	Ngày 23/11/2016 Xuất sắc
7	Thực trạng rối loạn cơ xương khớp và một số yếu tố nghề nghiệp liên quan của công nhân thu gom rác thải	CN	Học viện Quân y	01/2018-12/2018	Ngày 09/5/2018 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận Tiến sỹ								
1	Đánh giá thực trạng cơ cấu bệnh lý nội khoa của công nhân tiếp xúc với hóa chất độc hại tại nhà máy Z121- Tổng cục công nghiệp quốc phòng	3	x	Tạp chí Sinh lý học/ 1859-2376			11,3 10-17	12/2007

2	Nghiên cứu môi trường lao động và cơ cấu bệnh lý chuyên khoa của công nhân tiếp xúc với hóa chất độc hại tại nhà máy Z121	2	x	Tạp chí Y học Quân sự/ 1859-1655			249,6 11-14	11-12/ 2007
3	Nhận xét về tình trạng sức khỏe và bệnh tật của công nhân tiếp xúc nghề nghiệp với chì vô cơ ở một số xí nghiệp quốc phòng	2	x	Tạp chí Y Dược học lâm sàng 108/ 1859-2872			2,4, 53-57	2007
4	Kết quả thực nghiệm đo hàm lượng các chất phản ứng với acid thiobarbituric ở gan chuột nhắt trắng	4		Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			34,3, 42-49	2009
5	Nghiên cứu hoạt tính một số enzym chống oxy hóa ở bệnh nhân đái tháo đường typ 1	3		Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			34,6, 94-98	2009
6	Nghiên cứu nồng độ TAS và MDA ở bệnh nhân đái tháo đường typ 1	4		Tạp chí Y Dược học lâm sàng 108/1859-2872			4,3, 41-46	2009
7	Đặc điểm bệnh lý đường hô hấp ở công nhân tiếp xúc với bụi silic tại một số nhà máy xí nghiệp quốc phòng	4	x	Tạp chí Y học Quân sự/ 1859-1655			266, 9-10, 20-24	9-10/ 2010
8	Đặc điểm bệnh bụi phổi bông của công nhân tại các xí nghiệp may quân đội	3	x	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			35,8, 122-127	2010

9	Nghiên cứu sự thay đổi peroxidase, hoạt độ GPx máu, trạng thái chống oxy hóa toàn phần trong máu ở công nhân Công ty Cổ phần Pin ắc quy Vĩnh Phú	3	x	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			36,6, 134-139	2011
10	Nghiên cứu nồng độ SOD hồng cầu, MDA, nhóm SH huyết tương ở công nhân Công ty Cổ phần Pin ắc quy Vĩnh Phú	3	x	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			36,7, 92-97	2011
11	Nghiên cứu sự biến đổi các dòng tế bào tủy xương của bệnh nhân ung thư sau xạ trị	2		Tạp chí Ung thư học Việt Nam/ 1859-400X			4, 432-437	12/2012
12	Nghiên cứu sự biến đổi một số chỉ tiêu sinh học ở máu của bệnh nhân ung thư sau xạ trị	4	x	Tạp chí Ung thư học Việt Nam/ 1859-400X			4, 501-505	12/2012
13	Nghiên cứu tác dụng của sâm Ngọc Linh sinh khối trên máu ngoại vi của chuột nhiễm độc chì acetat bán trường diễn	3	x	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			38,4, 22-28	4/2013
14	Nghiên cứu tác dụng chống oxy hoá của sâm Ngọc Linh sinh khối trên chuột nhiễm độc chì acetat bán trường diễn	3	x	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			38,9, 53-62	12/2013
15	Biến đổi một số chỉ số hóa sinh máu ở người tiếp xúc nghề nghiệp với chì vô cơ	3		Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			38,9, 91-98	12/2013

16	Nghiên cứu đặc điểm hệ thống chống oxy hóa ở công nhân tiếp xúc nghề nghiệp với chì vô cơ	4	x	Tạp chí Y Dược học lâm sàng 108/ 1859- 2872			8,1, 121-126	2013
17	Một trường hợp mắc bệnh Castleman điều trị tại Bệnh viện 103 và hồi cứu y văn	2	x	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			39,1, 140-144	1/2014
18	Nghiên cứu nhu cầu tư vấn của thân nhân bệnh nhân bị bệnh lý ung thư	2		Tạp chí Ung thư học Việt Nam/ 1859-400			4, 151-156	12/2014
19	Nghiên cứu nhu cầu tư vấn của bệnh nhân bị bệnh lý ung thư	4	x	Tạp chí Ung thư học Việt Nam/ 1859- 400X			4, 220-226	12/2014
II Sau khi được công nhận Tiến sỹ								
20	Biến đổi nồng độ beta2-microglobulin và một số chỉ số hóa sinh ở bệnh nhân đa u tủy xương	4	x	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			42,3, 99-105	3/2017
21	Tác dụng của phác đồ Folfiri trong điều trị ung thư đại trực tràng tại Bệnh viện Quân y 103	1	x	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			42,4, 166-171	4/2017
22	Sự biến đổi một số chỉ số huyết học máu ngoại vi ở công nhân tiếp xúc với chì	2	x	Tạp chí Y học thực hành/ 1859-1663			1039,4, 35-38	4/2017
23	Tác dụng không mong muốn của phác đồ folfiri trong điều trị ung thư đại trực tràng	1	x	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			42,5, 43-50	6/2017
24	Nghiên cứu một số triệu chứng bệnh đường hô hấp mạn tính ở công nhân thu gom rác thải	5		Tạp chí Y học thực hành/ 1859-1663			1057,9, 53-56	9/2017

25	Nghiên cứu một số điều kiện làm việc của công nhân thu gom rác thải công ty môi trường đô thị Hà Nội	6		Tạp chí Y học thực hành/ 1859-1663			1057,9, 56-59	9/2017
26	Nghiên cứu đặc điểm thiếu máu ở bệnh nhân xơ gan	4		Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859-1868			458,2, 61-64	9/2017
27	Nghiên cứu sự biến đổi một số chỉ số hóa sinh máu của chuột nhiễm độc chì acetat bán trường diễn và tác dụng của sâm ngọc linh sinh khối	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859-1868			459,1, 203-208	10/2017
28	Một số bệnh lý nội khoa, chuyên khoa trên công nhân ở một số nhà máy may quân đội	1	x	Tạp chí Y học thực hành/ 1859-1663			1060,10, 186-189	10/2017
29	Nghiên cứu một số chỉ số huyết học máu ngoại vi ở bệnh nhân u lympho ác tính và đa u tủy xương	1	x	Tạp chí Y Dược học lâm sàng 108/ 1859-2872			12,3, 134-139	2017
30	Một số đặc điểm lâm sàng ở bệnh nhân ung thư đại trực tràng điều trị tại bệnh viện quân y 103	1	x	Tạp chí Y Dược học lâm sàng 108/ 1859-2872			12,4, 59-63	2017
31	Mối liên quan triệu chứng bệnh hô hấp mạn tính với một số đặc điểm của công nhân thu gom rác thải công ty môi trường đô thị Hà Nội	4	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859-1868			460,2, 50-55	11/2017
32	Đặc điểm bệnh lý nội khoa, chuyên khoa trên công nhân ở một số nhà máy cơ khí quốc phòng	1	x	Tạp chí Y học thực hành/ 1859-1663			1063,11, 155-157	11/2017

33	Tác dụng của sâm ngọc linh sinh khối trên sự thay đổi một số chỉ tiêu sinh học của chuột nhiễm độc chì acetat	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859-1868			461,2, 134-138	12/2017
34	Tìm hiểu một số đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân thiếu máu điều trị tại Bệnh viện quân y 103	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859-1868			463,1, 169-172	2/2018
35	Sự thay đổi nồng độ vitamin B12, folate và một số chỉ số hóa sinh máu ở bệnh nhân thiếu máu	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859-1868			465,1, 58-62	3/2018
36	Nghiên cứu nồng độ sắt, ferritin huyết thanh ở bệnh nhân thiếu máu	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859-1868			466,2, 156-161	5/2018
37	Study the effectiveness of intervention to improve the medical examination and treatment of capacity of the commune health station in the border areas of Tay Nguyen	6		Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			43,5, 154-161	6/2018
38	Một số triệu chứng hô hấp của công nhân môi trường đô thị quận Ba Đình- Hà Nội	4		Y học thực hành - Hội nghị khoa học quốc tế lần thứ 5 và hội nghị khoa học quốc gia lần thứ 9 về sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/ 1859-1663			1078, 98-102	9/2018

39	Tình trạng đau cơ xương khớp ở công nhân môi trường đô thị quận Ba Đình- Hà Nội	4		Y học thực hành - Hội nghị khoa học quốc tế lần thứ 5 và hội nghị khoa học quốc gia lần thứ 9 về sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/ 1859-1663			1078, 105-109	9/2018
40	Đặc điểm bệnh tật của cộng đồng khu vực biên giới Tây Nguyên	6		Tạp chí Y Dược học lâm sàng 108/1859-2872			13,4, 115-121	2018
41	Sociodemographic inequalities in substance use among young people in Vietnam	17		Children and Youth Services Review/ 0190-7409	ISI (1,521) SCOPUS (Q1) doi: 10.2016 /j.childyouth .2018.09.006		94, 644- 649	9/2018
42	Variation of Mitochondrial DNA HV1 AND HV2 of the Vietnamese Population	12		Advances in Experimental Medicine and Biology/ 0065-2598	ISI (IF 2,450) SCOPUS (Q2) doi: 10.1007 /5584 _2018_301		1292, 37-63	3/2019
43	Nghiên cứu phân bố các typ virus Dengue ở bệnh nhân đến khám tại khoa Cấp cứu, Bệnh viện Quân y 103 năm 2017	8		Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-1655			44,3, 36-42	3/2019
44	Đặc điểm dịch tễ học và sự lưu hành một số tít vi rút đường ruột gây bệnh tay chân miệng ở người tại Hà Nội, giai đoạn 2015-2017	4		Tạp chí Y học Dự phòng/ 0868-2836			29,5, 44-54	7/2019

45	Nghiên cứu một số yếu tố điều kiện môi trường lao động của bộ đội tăng, thiết giáp	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859-1868			482,1, 231-235	9/2019
46	Nghiên cứu thực trạng đau thắt lưng của bộ đội tăng, thiết giáp tại trường trung cấp kỹ thuật tăng thiết giáp	3		Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859-1868			482,2, 185-190	9/2019
47	Nhiễm độc thủy ngân cấp tính	2	x	Tạp chí Y học Quân sự/ 1859-1655			339, 54-55	9-10/ 2019
48	Nhiễm độc thủy ngân mạn tính	2	x	Tạp chí Y học Quân sự/ 1859-1655			342, 53-55	1-2/ 2020
49	Development of ibuprofen-loaded solid lipid nanoparticle-based hydrogels for enhanced in vitro dermal permeation and in vivo topical anti-inflammatory activity	9		Journal of Drug Delivery Science and Technology/ 1773-2247	ISI (IF 2,734) SCOPUS (Q2) doi: 10.1016/ jjddst.2020. 101758		57, 1-12	4/2020
50	Measuring satisfaction with health care services for Vietnamese patients with cardiovascular diseases	10		Plos one/ 1932-6203	ISI (IF 3,24) SCOPUS (Q1) doi: 10.1371/ journal.pone. 0235333		15(6), 1-15	6/2020
51	Musculoskeletal Pain and Work-related Risk Factors among Waste Collectors in Hanoi, Vietnam: Across-sectional Study	5	x	Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences/ 1857-9655	SCOPUS, (Q3) doi: 10.3889 /oamjms.2020. 4866		8(E), 498-508	9/2020
52	Tìm hiểu mối liên quan giữa đau thắt lưng với điều kiện lao động của bộ đội tăng thiết giáp	3	x	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			45,8, 68-72	10/2020

53	Prevalence, species distribution, and risk factors of fungal colonization and infection in patients at a burn intensive care unit in Vietnam	10	x	Current Medical Mycology/ 2423-3420	SCOPUS, (Q4) doi: 10.18502/cmm.6.3.4664		6(3), 42-49	10/2020
54	Nghiên cứu mối liên quan giữa tình trạng đau thắt lưng với một số yếu tố sức khỏe nghề nghiệp của bộ đội tăng thiết giáp	2	x	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			45,9, 34-39	12/2020
55	Job demand and control among clinical nurses in a provincial hospital and related factors: Results from a cross-sectional study in 2020	4		Journal of Health and Development Studies/ 2588-1442			5,2, 20-30	4/2021
56	Prevalence and Genotype Distribution of JC polyomavirus in Urine from Patients with Hematological Malignancies in Vietnam	16	x	Journal of Medical Virology/ 1096-9071	ISI (IF 2,021) SCOPUS (Q2) doi: 10.1002/jmv.27078		93, 5193-5198	5/2021
57	Psychological stress and associated factors among municipal solid waste collectors in Hanoi: Across- sectional study	7	x	Plos one/ 1932-6203	ISI (IF 3,24) SCOPUS (Q1) doi: 10.1371/journal.pone.0254355		16(7) 1-13	7/2021
58	Self-reported social support at works among nurses and associated factors. Results from a cross-sectional study in a provincial hospital in 2020	4		Journal of Health and Development Studies/ 2588-1442			05 (04) 18-28	7/2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 04 bài (STT: 51, 53, 56, 57).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế :

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng và triển khai phương pháp dạy học tích cực tại Học viện Quân y	Tham gia	Quyết định số 3891/QĐ-HVQY ngày 18/10/2019			
2	Đổi mới và triển khai phương pháp lượng giá, đánh giá dựa trên năng lực tại Học viện Quân y	Tham gia	Quyết định số 4178/QĐ-HVQY ngày 04/11/2019			
3	Xây dựng và triển khai chương trình chi tiết của module trong chương trình đào tạo ngành Y khoa quân sự tích hợp	Tham gia	Quyết định số 783/QĐ-HVQY ngày 19/2/2020			
4	Xây dựng chương trình chi tiết các môn Y học quân sự trong chương trình đào tạo ngành Y khoa quân sự tích hợp	Tham gia	Quyết định số 5311/QĐ-HVQY ngày 01/12/2020			

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Bằng